TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2024/DS-PT
Ngày: 10/7/2024
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Bình**

Các Thẩm phán: 1/- Ông **Võ Bảo Anh**

2/- Bà **Võ Bích Hải**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Trí Khương** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phi** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 518/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 206/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. <u>Nguyên đơn</u>: Ông **Danh V**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo uỷ quyền: Anh **Lâm Sơn H**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Phước H1** - Văn phòng L - Đoàn Luật sư tỉnh A.

2. <u>Bị đơn</u>: Ông **Nguyễn Hoàng S**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

3. <u>Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</u>:

3.1. Bà **Mai Thanh T**, sinh năm 1972.

3.2. Anh **Nguyễn Hoàng P**, sinh năm 1997.

3.3. Chị **Nguyễn Minh T1**, sinh năm 2003.

Các đương sự đều có cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

4. <u>Người kháng cáo</u>: Nguyên đơn Danh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** <u>Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu</u>:*

Nguyên đơn ông Danh V ủy quyền cho anh Lâm Sơn H trình bày:

Năm 1990 ông Danh V được cha mẹ cho diện tích khoản 13.000m^2 đất trồng lúa tọa lạc hiện nay tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ. Đến năm 1991 ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 11.315m^2 tại các thửa đất số 255 diện tích 2.975m^2, số 256 diện tích 2.340m^2, số 265 diện tích 6.000m^2. Lý do diện tích có chênh lệch là do bằng dây nên không chính xác.

Diện tích đất 13.000m^2, ông V sử dụng ổn định đến năm 1992 thì chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H2 diện tích 2.975m^2, nhưng không lập hợp đồng chuyển nhượng nên diện tích 2.975m^2 vẫn còn đứng tên ông V. Bà H2 sử dụng đến khoảng năm 2002 - 2003 chuyển nhượng cho vợ chồng ông Lâm Phước V1, bà Nguyễn Thị Thu M. Do việc chuyển nhượng giữa ông V1 và bà H2 không lập Hợp đồng chuyển nhượng nên khi bà H2 chuyển nhượng vợ chồng ông Phước V1, bà M thì ông V1 mới lập hợp đồng chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phước V1, bà M và ông Phước V1, bà M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 255, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ, diện tích 2.975m^2, MĐSD: Đất trồng lúa.

Vào năm 2007 vợ chồng ông Phước V1, bà M chuyển nhượng cho bà Ngô Thị Kim C và bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 13/12/2007 (chỉnh lý trang 4).

Đến ngày 09/02/2017 Nhà nước thu hồi diện tích 212,9m^2 để làm kinh thủy lợi nên chỉ còn lại diện tích 2.762,1m^2.

Cùng năm 2017 bà C chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hoàng S diện tích 2.762,1m^2 và ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/02/2017 (chỉnh lý trang 4).

Từ khi ông S nhận chuyển nhượng đất, ông S đã bao chiếm phần diện tích đất mà ông V1 sử dụng với diện tích khoảng 1.500m^2 nằm ngoài thửa 255 tại vị trí A và C theo bản trích đo địa chính số: 471/TTKTTNMT ngày 10/5/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C.

Khi bị ông S chiếm sử dụng đất, ông V1 đã nhiều lần yêu cầu ông S trả đất nhưng ông S không trả. Cho nên, ông V1 đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã Đ giải quyết nhưng không thành.

Vì vậy, ông V1 khởi kiện yêu cầu:

- Yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Danh V được quyền sử dụng đất với diện tích 761,9m^2 (phần A) và diện tích 656,2m^2 (phần C) đất lung bào tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ (theo bản trích đo địa chính số: 471/TTKTTNMT ngày 10/5/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C).

- Yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Hoàng S phải tháo dỡ, di dời, chặt phá, đập phá các công trình, kiến trúc, cây trồng để trả cho ông Danh V diện tích đất 761,9m^2 và 656,2m^2 nêu trên.

* *Bị đơn ông Nguyễn Hoàng S trình bày*:

Vào năm 2017 ông nhận chuyển nhượng của bà Ngô Thị Kim C toàn bộ thửa đất số 255, diện tích 2.762,1m^2, MĐSD: LUC, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/02/2017 (chỉnh lý trang 4). Khi chuyển nhượng với bà C, ông và các hộ giáp ranh đã xác định rõ ràng ranh giới, mốc giới thửa đất, không có tranh chấp với ai. Từ khi ông chuyển nhượng đến nay, ông vẫn sử dụng đúng với ranh giới đã được xác định, không có lấn chiếm đất của ai.

Quá trình sử dụng đất, vào cuối năm 2017 ông có tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Võ Thanh C1 vì ông C1 chiếm một phần đất của ông để sử dụng với diện tích sau khi đo đạc, thẩm định là 100,8m^2, có vị trí cụ thể là giáp mương lộ - tỉnh lộ 922. Khi giải quyết vụ việc, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ có mời ông Danh V tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không Viên không hề nhắc đến việc tranh chấp hay cho rằng ông chiếm đất của ông V. Tại đây, ông V thừa nhận toàn bộ thửa đất số 255 đã bán cho bà H2 và sau đó bà H2 bán lại cho ông Phước V1, bà M, tiếp đến ông Phước V1, bà M bán lại cho bà C, cuối cùng bà C bán lại cho ông. Nhưng đến nay ông V1 lại tranh chấp đất với ông vì cho ông rằng ông chiếm đất của ông V1. Cho nên, việc ông V1 trình bày là sai trái, không đúng sự thật. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V1 và đồng thời yêu cầu phản tố, cụ thể như sau:

- Yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Nguyễn Hoàng S được quyền sử dụng đất 3.017,3m^2, MĐSD: LUC thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ (theo bản trích đo địa chính số: 471/TTKTTNMT ngày 10/5/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thanh T, anh Nguyễn Hoàng P, chị Nguyễn Minh T1 thống nhất trình bày*:

Thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Hoàng S, không bổ sung gì thêm. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V1 và chấp nhận yêu cầu phản tố của ông S.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ đã đưa ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 30/6/2023 đã tuyên:

1. Đình chỉ yêu cầu của ông Danh V về việc yêu cầu Tòa án công nhận được quyền sử dụng đất và đòi ông Nguyễn Hoàng S trả diện tích 100,8m^2 (trong phần A - 761,9m^2), tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Danh V về việc yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Danh V được quyền sử dụng đất và đòi ông Nguyễn Hoàng S trả diện tích

661,1m^2 (trong phần A - 761,9m^2) và diện tích 656,2m^2 (phần C), tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hoàng S.

Công nhận cho ông Nguyễn Hoàng S được quyền sử dụng thửa đất số 255, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ, diện tích 3.017,3m^2, MĐSD: LUC (theo bản trích đo địa chính số: 471/TTKTTNMT ngày 10/5/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 14/7/2023, nguyên đơn Danh V có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Nội dung yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn Danh Viên trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận cho nguyên đơn được quyền sử dụng 661.1 m^2 đất ở vị trí A và 656.2 m^2 đất ở vị trí C, bản trích đo địa chính số 471/TTKTTNMT ngày 10.5.2023. Lý do: phía bị đơn đã chiếm dụng phần đất lớn hơn diện tích được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở thửa 255. Phần đất tranh chấp này đã được nguyên đơn sử dụng ổn định. Nguyên đơn yêu cầu đưa Ủy ban nhân dân huyện C tham gia tố tụng. Nếu yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận, đề nghị huỷ án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện nguyên đơn: Qua đo đạc thực tế, tổng diện tích đất nguyên đơn sử dụng là 3886.4 m^2 đất. Diện tích này là vượt xa so với giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của bị đơn là 2762 m^2. Theo quy định của Luật Đất đai và những văn bản có liên quan (như Thông tư liên tịch năm 2014 của Bộ T2) thì trường hợp chênh lệch diện tích như vậy bắt buộc phải cho đo đạc lại để xác định đúng diện tích sử dụng đất thực tế so với giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Cấp sơ thẩm đã không cho tiến hành lại thủ tục này là có thiết sót.

Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, giữ y án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án hai cấp đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tạm ứng án phí kháng cáo nên hợp lệ về mặt hình thức.

- Về nội dung: Qua xem xét toàn bộ chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, cho thấy cấp sơ thẩm đã xem xét theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Danh Viên khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất bị đơn chiếm dụng, bị đơn Nguyễn Hoàng S phản tố yêu cầu công nhận quyền sử dụng phần đất này cho bị đơn. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp Quyền sử dụng đất theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 là có căn cứ.

Nguyên đơn Danh V kháng cáo trong hạn luật định, thuộc trường hợp được miễn án phí nên hợp lệ về mặt hình thức.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của nguyên đơn Danh Viên:

Ở giai đoạn sơ thẩm, nguyên đơn Danh V đã rút lại yêu cầu đòi lại 100.8 m^2 đất (trong phần A – 761.9 m^2) toạ lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ nên cấp phúc thẩm thống nhất việc đình chỉ xét xử yêu cầu này mà không xem xét lại.

[2.1] Các chứng cứ cần xem xét:

Về nguồn gốc của các thửa đất có tranh chấp:

Trước khi xảy ra tranh chấp, phần đất này có một phần là của thửa đất 255. Thửa đất này là của ông Danh V chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị H2 năm 1992 (diện tích thửa 255 lúc đó là 2975 m^2). Ông Danh V không làm thủ tục chuyển nhượng với bà H2. Sau đó bà H2 chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Lâm Phước V1 và bà Nguyễn Thị Thu M (năm 2002-2003). Lần chuyển nhượng này, ông Danh V trực tiếp làm Hợp đồng chuyển nhượng cho ông Phước V1 và bà M (diện tích vẫn là 2975 m^2, ông Phước V1 và bà Thu M có được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất). Năm 2007, ông Phước V1 và bà Thu M chuyển nhượng phần đất này lại cho bà Ngô Thị Kim C (Chỉnh lý tên bà C ở trang 4 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị Thu M). Trong quá trình bà C sử dụng đất thì Nhà nước thu hồi 212.9 m^2 của thửa 255 làm kinh thuỷ lợi nên thửa đất này chỉ còn 2762.1 m^2. Đến năm 2017, bà C mới chuyển nhượng lại cho bị đơn Nguyễn Hoàng S (chỉnh lý sang tên ông S ở trang 4 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị Thu M năm 2007).

Về kết quả đo đạc:

Theo bản trích đo số 471/TTKTTNMT ngày 10/5/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C thì tổng diện tích *(bao gồm cả phần tranh chấp và thửa 225)* là 3886.4 m^2, trong đó phần tranh chấp ở vị trí A có diện tích 661.1 m^2 *(761.9 m^2 – 100.8 m^2 = 661.1 m^2)*, phần tranh chấp ở vị trí C là 656.2 m^2, còn phần 212.9 m^2 ở vị trí B là phần đất đã bị thu hồi để làm kinh thuỷ lợi.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C về vấn đề tranh chấp:

Tại Công văn số 2394/UBND-TNMT ngày 21/12/2022, Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Cần Thơ có ý kiến như sau: *"Trường hợp đo đạc lại mà ranh giới thửa đất có thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất và diện tích đất đo đạc thực tế nhiều hơn diện tích ghi trên giấy tờ về*

quyền sử dụng đất thì phần diện tích chênh lệch nhiều hơn (nếu có) được xem xét cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 99 của Luật này…

...Hiện tại diện tích 656.2 m^2 đất Lung không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận do đất nhà nước quản lý, hiện chưa có chủ trương, phương án sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất được duyệt của Thành phố về giao đất, cấp giấy Chứng nhận đối với toàn bộ diện tích đất Lung trên địa bàn huyện, trong đó có diện tích 656.2 m^2 để thực hiện giao đất, cấp giấy Chứng nhận theo quy định…"

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn – ông Danh V (đơn kháng cáo BL 244) Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sử dụng 1517 m^2 đất bị đơn đang sử dụng và buộc bị đơn Nguyễn Hoàng S trả lại diện tích đất này cho nguyên đơn phần đất này. Tại phiên Toà phúc thẩm, đại diện bị đơn yêu cầu xem xét lại trình tự thủ tục xét xử giai đoạn sơ thẩm

Xét diện tích đất tranh chấp: Phần đất tranh chấp hiện nay của các bên thuộc vị trí A, sau khi trừ đi phần đất nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện là 100.8 m^2, còn lại là 661.1 m^2 và phần đất ở vị trí C có diện tích 656.2 m^2. Các phần đất tranh chấp hiện toạ lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C thành phố Cần Thơ.

Đối với phần đất ở vị trí A (Diện tích 661.1 m^2)

Ở vị trí này, sau khi trừ phần ông Danh V rút yêu cầu là 100.8 m^2, phần tranh chấp của các bên còn là 661.1 m^2. Đối với phần này trên thực tế tiếp giáp mương lộ của tỉnh lộ 922. Năm 2020, khi Tòa án huyện C giải quyết vụ án tranh chấp đất giữa ông Võ Thanh C1 với ông Nguyễn Hoàng S, có liên quan đến phần đất này, lúc đó ông Danh V có tham gia với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bản thân ông Danh V lúc đó không có ý kiến nào về việc bị ông S lấn chiếm đất. Ông Danh V không có phần đất nào tiếp giáp phần đất này nên ông Danh V khởi kiện yêu cầu ông S trả lại phần đất này là chưa có căn cứ.

Đối với phần đất ở vị trí C (Diện tích 656.2 m^2)

Trên thực tế đây là phần đất lung bào hiện tại bị đơn đang quản lý sử dụng. Phần đất này không nằm trong thửa đất 255 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của bị đơn. Tại phiên toà, nguyên đơn trình bày là đang trực tiếp sử dụng, nhưng trên thực tế bị đơn Nguyễn Hoàng S mới là đang sử dụng trực tiếp, ổn định. Theo công văn số 2394/UBND-TNMT ngày 21.12.2022 (BL 126) của UBND huyện C, thành phố Cần Thơ thì phần đất này không thuộc trường hợp được cấp giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất. Bị đơn đang sử dụng ổn định, đất chưa được cấp giấy Chứng nhận, do nhà nước quản lý nên việc nguyên đơn khởi kiện đòi lấy lại đất và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất là chưa có căn cứ chấp nhận.

Nguyên đơn căn cứ diện tích đo đạc thực tế là 3886.4 m^2 trên toàn bộ phần đất *(kể cả đã cấp giấy cho bị đơn và phần ngoài giấy của bị đơn)* để yêu cầu bị đơn trả lại hai vị trí A và C cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xem xét quá trình chuyển nhượng đất từ năm 2002-2007 thấy rằng giữa nguyên đơn và bị đơn không có chuyển nhượng trực tiếp với nhau, nguyên đơn không có giao đất cho bị đơn. Quá

trình chuyển nhượng qua nhiều người mới đến bị đơn chuyển nhượng. Vì vậy, không thể xảy ra việc đất của nguyên đơn còn lại trong phần đất đã chuyển nhượng cho các cá nhân trước đây nhưng bị đơn đã chiếm để sử dụng.

Đối với kết quả đo đạc tổng cộng là 3886.4 m^2 trong khi phần đất này hiện bị đơn được cấp là 2762.1 m^2 sau khi trừ diện tích ngoài giấy của bị đơn và phần thu hồi là phần chênh lệch là không nhiều *(3886.4 m^2 – 212.9 m^2 – 656.2 m^2 = 3017,3 m^2)*. Các hộ có đất xung quanh cũng không có tranh chấp.

Từ những phân tích trên đã chứng minh việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại tổng cộng 1517 m^2 đất ở các vị trí A và C là chưa có căn cứ.

Nguyên đơn kháng cáo, nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên chưa có cơ sở xem xét.

Đề nghị của V2 kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Những phần khác không có kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên.

Nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận, nhưng là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

1. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn ông Danh V về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất và đòi bị đơn ông Nguyễn Hoàng S trả diện tích 100,8m^2 đất (trong phần A - 761,9m^2), tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Danh V về việc yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Danh V được quyền sử dụng đất và đòi ông Nguyễn Hoàng S trả diện tích 661,1m^2 đất (trong phần A - 761,9m^2) và diện tích 656,2m^2 đất (phần C), tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hoàng S.

Công nhận cho ông Nguyễn Hoàng S được quyền sử dụng thửa đất số 255, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ, diện tích 3.017,3m^2, MĐSD: LUC (theo Bản trích đo địa chính số 471/TTKTTNMT ngày 10/5/2023 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố C).

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá: Ông Danh V phải chịu 9.000.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng chi phí 9.000.000 đồng ông V đã nộp thành chi phí.

5. *Về án phí dân sự*

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Danh V được miễn theo quy định pháp luật.

- Ông Nguyễn Hoàng S được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0009761 ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

5.2. *Án phí dân sự phúc thẩm*:

Ông Danh V được miễn án phí phúc thẩm do là người cao tuổi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (10/7/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND H. Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS H. Cờ Đỏ;
- Lưu: HS, VP.

(Đã ký)

Phạm Văn Bình